

Số: 85/2021/HNGĐ - ST
Ngày 14 tháng 12 năm 2021
V/v: “Tranh chấp về ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn, bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà
Chu Ngọc Linh - kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ
thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 321/2021/TLST - HNGĐ ngày 11/10/2021
về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 80/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số
49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 07, tổ dân phố Đ, phường XG, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc
Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Nam N - sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 116, đường N, phường LL, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc
Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/04/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên
đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Nam N đã tìm hiểu và
tổ chức lễ cưới năm 2015, nhưng không đăng ký kết hôn ngay mà đến ngày
03/8/2018, vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố

Bắc Giang. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, anh N thường xuyên rượu chè ăn nhậu, không quan tâm đến vợ, con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, việc chăm sóc, nuôi con cũng bất đồng nên cuộc sống rất mệt mỏi, từ đầu năm năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh N ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hạ V, sinh ngày 14/11/2015 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 19/4/2018. Hiện nay hai con đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi, chị không yêu cầu Tòa án xem xét về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Nam N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản tự khai, tài liệu, chứng cứ song không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai gửi Tòa án.

Đại diện tổ dân phố Lê Lợi, phường Lê Lợi cung cấp: Anh Nguyễn Nam N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang. Năm 2018 anh N và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn và về sinh sống tại tổ dân phố Lê Lợi. Qua thông tin nắm được thì anh N và chị H đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể chính quyền địa phương không nắm được. Từ khoảng tháng 3 năm 2020 thì chị H không còn chung sống với anh N nữa. Chị H về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Anh N và chị H có hai con chung là Nguyễn Hạ V, sinh ngày 14/11/2015 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 19/4/2018. Đề nghị Tòa án xem xét giao cho người có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu một cách tốt nhất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn và xin nuôi cả hai con chung, hiện nay anh N vẫn liên lạc và đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, do đó chị và anh N tự thỏa thuận về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 02/12/2021 và phen tòa ngày 14/12/2021 không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm

phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa án làm việc, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Đề nghị căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Nam N ly hôn. Về con chung, giao cho chị H nuôi hai con Nguyễn Hạ V, sinh ngày 14/11/2015 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 19/4/2018. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét. Về án phí, chị H phải chịu. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thành phố Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 02/12/2021 và phiên tòa ngày 14/12/2021, HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trích lục kết hôn, xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Nam N đã kết hôn trên

cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang ngày 03/8/2018, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Lời khai của chị Nguyễn Thị Thu H xác định vợ chồng sau khi kết hôn đã về chung sống cùng nhau, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, năm 2020 mâu thuẫn gay gắt do anh N ham chơi, không chăm lo cho gia đình, vợ con, vợ chồng bất đồng về tính cách, lối sống, từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Kết quả xác minh với đại diện tổ dân phố Lê Lợi, nơi cư trú của vợ chồng anh N, chị H cho thấy lời khai của chị H về mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N đến làm việc và hòa giải, song anh N không đến. Nay tại phiên tòa, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn, từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được cho thấy tình trạng mâu thuẫn của anh N, chị H đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng đã ly thân gần hai năm và không thể hòa giải, căn cứ điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, ý kiến của kiểm sát viên, xử cho chị H và anh N ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Hạ V, sinh ngày 14/11/2015 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 19/4/2018. Do các cháu còn nhỏ nên cần xem xét giao cho bố, mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy nhiên, từ khi chị H và anh N ly thân đến nay, các cháu đều ở cùng chị H và việc chăm sóc, nuôi dưỡng con đảm bảo, bên cạnh đó trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã biết chị H xin nuôi cả hai con nhưng không có ý kiến phản đối, hay trình bày nguyện vọng về việc nuôi con sau khi ly hôn, vì vậy, xét điều kiện của chị H và các cháu hiện nay, ý kiến của kiểm sát viên, để đảm bảo các cháu V, Ng được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định HĐXX quyết định giao cho chị H nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Sau khi ly hôn, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn

nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Nam Nhân.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Hạ V, sinh ngày 14/11/2015 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 19/4/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 00010482 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND, VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS TP Bắc Giang;
- UBND P lê Lợi, TP Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

